





## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU .....</b>	<b>6</b>
<b>PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG .....</b>	<b>8</b>
<b>PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG .....</b>	<b>14</b>
Điều 1. Giải thích từ ngữ .....	14
Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên .....	15
Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng .....	16
Điều 4. Thông báo .....	16
Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng .....	17
Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc .....	18
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng .....	20
Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng .....	23
Điều 9. Giá trị Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán .....	25
Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong Hợp đồng và giá Hợp đồng xây dựng .....	27
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên A .....	27
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B .....	28
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát thi công xây dựng .....	35
<b>Điều 14. Nhà thầu phụ.....</b>	<b>36</b>
Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.....	37
Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường .....	38
Điều 17. Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A .....	39
Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B.....	40
Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành .....	42
Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng .....	43
Điều 21. Sự kiện bồi thường .....	45
Điều 22. Phạt vi phạm Hợp đồng .....	46
Điều 23. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp .....	47
Điều 24. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.....	48
Điều 25. Hiệu lực của Hợp đồng.....	49
Điều 26. Điều khoản chung .....	49
<b>PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG .....</b>	<b>50</b>
Điều 1. Giải thích từ ngữ .....	50
<b>Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên .....</b>	<b>50</b>
<b>Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng .....</b>	<b>51</b>

<b>Điều 4. Thông báo</b> .....	<b>51</b>
Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng .....	51
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng .....	55
Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng.....	57
Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán.....	59
<b>Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong     Hợp đồng và giá Hợp đồng xây dựng</b> .....	<b>65</b>
<b>Điều 11. Nhà thầu phụ</b> .....	<b>68</b>
<b><u>Điều 12. Khiếu nại và xử lý tranh chấp</u></b> .....	<b>68</b>
Điều 13. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.....	69
Điều 14. Hiệu lực của Hợp đồng .....	69

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-HSĐXKT, HSDXTC	E- Hồ sơ đề xuất kỹ thuật, Hồ sơ đề xuất tài chính
BIM	Mô hình thông tin công trình
NTVGSTCXD	Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng
Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015	Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10
Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10.
Luật Sửa đổi bổ sung một điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5
Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024	Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8.
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu ngày 25 tháng 6 năm 2025	Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9.
VND	Đồng Việt Nam
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu

Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu
------	---

## PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

*Hôm nay, tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:*

### 1. Chủ đầu tư (gọi tắt là **Bên A**):

Tên giao dịch **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Đại diện : **Ông Đậu An Phúc** Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ trụ sở chính : Số 01 Hùng Vương, phường Chợ Quán, TP.HCM  
Địa chỉ cơ sở 2 : Số 8-10 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, TP. HCM  
Điện thoại : (028) 35 267 497  
Tài khoản số : 9552.2.8028540 tại Kho Bạc Nhà nước Khu vực II  
Mã số thuế : 0318872563

Và bên kia là:

### 2. Nhà thầu (gọi tắt là **Bên B**):

Tên giao dịch: **LIÊN DANH .....**

#### 2.1. Thành viên đứng đầu liên danh (thành viên liên danh thứ nhất): **CÔNG TY .....**

Đại diện : **Ông/Bà .....** Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Số ....., Phường ....., TP. HCM  
Điện thoại : (028) ....  
Tài khoản số : ..... tại Ngân hàng ....  
Mã số thuế : .....

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty ..... số .....  
đăng ký lần đầu ngày ..... tháng ... năm 20..., đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ...  
năm 20...

#### 2.2. Thành viên liên danh thứ hai: **CÔNG TY .....**

Đại diện : **Ông/Bà .....** Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Số ....  
Điện thoại : (028) ....  
Tài khoản số : ..... tại Ngân hàng ....  
Mã số thuế : .....

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty ..... số .....  
đăng ký lần đầu ngày ..... tháng ... năm 20..., đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ...  
năm 20...

**2.3. Thành viên liên danh thứ ba: CÔNG TY .....**

Đại diện : Ông/Bà ..... Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Số ....., phường ....., TP. HCM  
Điện thoại : (028) .....  
Tài khoản số : ..... tại Ngân hàng ... ..  
Mã số thuế : .....

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty ..... số .....  
đăng ký lần đầu ngày ..... tháng ... năm 20..., đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ...  
năm 20...

**2.4. Thành viên liên danh thứ tư: CÔNG TY .....**

Đại diện : Ông/Bà ..... Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Số ....., phường ....., TP. HCM  
Điện thoại : (028) .....  
Tài khoản số : ..... tại Ngân hàng .....  
Mã số thuế : 0300426575

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành  
viên số ..... đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8  
ngày 10 tháng 12 năm 2024.

**2.5. Thành viên liên danh thứ năm: CÔNG TY .....**

Đại diện : Ông/Bà ..... Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Số ....., phường ....., TP. HCM  
Điện thoại : (028) .....  
Tài khoản số : ..... tại Ngân hàng .....  
Mã số thuế : .....

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty ..... số .....  
đăng ký lần đầu ngày ..... tháng ... năm 20..., đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ...  
năm 20...

Thỏa thuận liên danh ngày ... tháng ... năm 2025:

1. Thành viên đứng đầu liên danh: **CÔNG TY .....**

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên đứng đầu liên danh (thành viên liên danh thứ nhất):	....%
2	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên liên danh thứ hai:	....%
3	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên liên danh thứ ba:	...%
4	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên liên danh thứ tư:	...%
5	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên liên danh thứ năm:	...%
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

3. Thanh toán và tạm ứng:

Tiền thanh toán và tạm ứng Bên A sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản của từng thành viên liên danh.

**HAI BÊN CÙNG THÔNG NHẤT KÝ HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA GÓI THẦU XL-02: ĐOẠN TỪ CẦU BÙI ĐÌNH TÚY ĐẾN ĐƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYÊN, BAO GỒM RẠCH BÌNH LỢI, RẠCH BÌNH TRIỆU (TỪ KM2+512 ĐẾN KM5+216) THUỘC DỰ ÁN NẠO VÉT, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG, XÂY DỰNG HẠ TẦNG RẠCH XUYỀN TÂM (TỪ KÊNH NHIÊU LỘC - THỊ NGHÈ ĐẾN SÔNG VÀM THUẬT) QUẬN BÌNH THẠNH, QUẬN GÒ VẤP NHƯ SAU:**

### **PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Nghị Định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Hợp đồng xây dựng;

Thông tư số 63/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 4584/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 5639/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 5126/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt điều chỉnh dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 6075/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc chuyển đổi cơ quan quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (mới);

Quyết định số 199/QĐ-UBND-TC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 227/QĐ-BHTĐT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 228/QĐ-BHTĐT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Tổng dự toán xây dựng công trình thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 384/QĐ-BHTĐT ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày .. tháng 7 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự toán gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng điều chỉnh gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường

Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt E-HSMT gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt sửa đổi E-HSMT gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

E-HSMT gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp, do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long lập tháng ... năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số .... ngày ... tháng ... năm 2025 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

E-HSDT của Liên danh ..... dự thầu gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc -Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Báo cáo đánh giá E-HSDT số .../2025/BCĐG-VQ ngày ... tháng ... năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long về đánh giá E-HSDT gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng

hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Thỏa thuận liên danh ngày ... tháng ... năm 2025 giữa các nhà thầu Liên danh .....

Biên bản đối chiếu tài liệu ngày ... tháng .. năm 2025 của nhà thầu Liên danh .....

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số KQ....ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Thông báo số .../BHTĐT-DA3 ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo chấp thuận E-HSDT và trao Hợp đồng gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Các văn bản liên quan khác.

### PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

#### Điều 1. Giải thích từ ngữ

---

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. *Bên* là Bên A hoặc Bên B tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.
- 1.2. *Bảng tiên lượng* là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong Hợp đồng.
- 1.3. *Bản vẽ thiết kế* là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Bên A cấp cho Bên B hoặc do Bên B lập đã được Bên A chấp thuận.
- 1.4. *Biên bản nghiệm thu* là biên bản được phát hành theo Điều 7 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng].
- 1.5. *Chỉ dẫn kỹ thuật* là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.
- 1.6. *Bên A* là **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**.
- 1.7. *Công trình* là công trình chính và công trình tạm hoặc là một trong hai loại công trình này [quy định tại **ĐKCT**].
- 1.8. *Công trình chính* là công trình gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) mà Bên B theo Hợp đồng.
- 1.9. *Công trình tạm* là các công trình phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.
- 1.10. *Công trường* là địa điểm Bên A giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong Hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].
- 1.11. *Dự án* là Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp.
- 1.12. *Đại diện Bên A* là người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Bên A.
- 1.13. *Đại diện Bên B* là người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Bên B ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Bên B.
- 1.14. *Đại diện nhà tư vấn* là người được nhà tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà tư vấn giao.

- 1.15. *Hạng mục công trình* là một công trình chính hoặc một phần công trình chính.
- 1.16. *E-Hồ sơ dự thầu* của Bên B là toàn bộ tài liệu do Bên B lập theo yêu cầu của E-Hồ sơ mời thầu và được nộp cho bên mời thầu theo quy định.
- 1.17. *E-Hồ sơ mời thầu* của Bên A là toàn bộ tài liệu được Bên A phê duyệt theo quy định.
- 1.18. *Hợp đồng* là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu kèm theo theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
- 1.19. *Luật* là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.20. *Ngày được hiểu* là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.21. *Ngày khởi công* là ngày được thông báo theo khoản 8.2 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng].
- 1.22. *Ngày làm việc* là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
- 1.23. *Nhà thầu* là **LIÊN DANH .....**
- 1.24. *Nhà thầu phụ* là Nhà thầu ký Hợp đồng với Bên B để thi công một phần công việc của Bên B.
- 1.25. *Nhà tư vấn* là tổ chức, cá nhân do Bên A ký Hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện Hợp đồng (Nhà tư vấn có thể là tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình).
- 1.26. *Rủi ro và bất khả kháng* được định nghĩa tại Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng].
- 1.27. *Thay đổi* là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá Hợp đồng hoặc tiến độ thi công, các nội dung khác của Hợp đồng có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- 1.28. *Thiết bị của Bên A* là máy móc, phương tiện do Bên A cấp cho Bên B sử dụng để thi công công trình.
- 1.29. *Thiết bị của Bên B* là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Bên B thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).
- 1.30. *Tư vấn thiết kế* là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

## **Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

---

2.1. Hồ sơ Hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo Hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại khoản 2.3 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.3. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:

- a) Hợp đồng, các tài liệu kèm theo Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng (Thông số kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu, ...);
- b) Thư chấp thuận HSDT và trao Hợp đồng;
- c) Biên bản đối chiếu nhà thầu;
- d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- đ) E-ĐKCT;
- e) E-ĐKC;
- g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Bên B;
- h) E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có);
- i) Các tài liệu khác có liên quan.

2.4. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Hợp đồng do các bên thỏa thuận áp dụng, trường hợp các bên không thỏa thuận thì áp dụng theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2.3 Điều này [quy định tại **ĐKCT**].

### **Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng**

---

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

### **Điều 4. Thông báo**

---

4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.

4.2. Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm (do 2 bên ấn định trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 388 Bộ Luật Dân sự) [quy định tại **ĐKCT**].

## **Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng**

---

### **5.1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng**

Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng thư bảo lãnh của Ngân hàng tương đương 5% giá trị Hợp đồng cho Bên A trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký kết Hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**]. Tất cả bảo đảm thực hiện Hợp đồng phải đảm bảo vô điều kiện, không hủy ngang và được Bên A chấp thuận.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm thực hiện hợp đồng tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên liên danh thực hiện. Thành viên đứng đầu liên danh hoặc thành viên liên danh bất kỳ có đủ điều kiện và năng lực có thể đứng ra bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong trường hợp có thành viên liên danh không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo đúng thời hạn. Khi đó, giá trị khối lượng hoàn thành của thành viên liên danh không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng này sẽ được Bên A xem xét để chuyển giao khối lượng sang thành viên đứng ra bảo lãnh thực hiện hợp đồng để làm cơ sở thực hiện và thanh toán.

Bảo đảm thực hiện Hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên B đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với Hợp đồng đã ký kết được Bên A nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện Hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp vi phạm quy định pháp luật khác. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu Bên B không thi công đầy đủ khối lượng, đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 6. [Nội dung và khối lượng công việc] và Điều 7. [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng của Hợp đồng], không nộp đủ và đúng thời hạn hồ sơ hoàn công và hồ sơ quyết toán mà không giải trình được lý do được Bên A chấp thuận, khi đó Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và Bên B không được khiếu kiện gì. Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện Hợp đồng khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo Hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành và Bên A đã nhận được bảo đảm bảo hành.

### **5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng**

Trước khi Bên A thực hiện việc tạm ứng Hợp đồng cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều

1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 [quy định tại **ĐKCT**]. Tất cả các bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang và phải được Bên A chấp thuận.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho Bên A, mức bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với phần giá trị tạm ứng hợp đồng của mỗi thành viên liên danh. Thành viên đứng đầu liên danh hoặc các thành viên liên danh có thể thỏa thuận để thực hiện việc bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho thành viên còn lại theo quy định trong trường hợp có thành viên không nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo đúng thời hạn.

Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

## **Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc**

---

6.1. Bên B thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế thi công và dự toán được phê duyệt (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận) của gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp, chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong chương V. Yêu cầu về kỹ thuật [E-HSMT của Bên A được phê duyệt]; HSDT của Bên B được Bên A chấp thuận và ký kết Hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong Hợp đồng.

6.2. Nội dung và khối lượng công việc của Hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

a) Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

b) Thi công xây dựng tất cả các công trình tạm và duy trì tất cả các hạng mục đó một cách an toàn và hiệu quả trong suốt quá trình triển khai thi công cho đến khi chúng được ra khỏi công trường hoặc hoàn trả mặt bằng theo yêu cầu của Hợp đồng;

c) Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo Hợp đồng;

d) Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

đ) Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;

e) Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Nhà thầu chính hoặc tổng thầu;

g) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);

h) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

i) Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

k) Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ; đối với công tác đổ thải, sau khi ký kết Hợp đồng và trước khi triển khai thi công, Bên B phải đệ trình bãi đổ hợp pháp;

l) Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi Hợp đồng thi công; công tác thi công xây dựng công trường phải đảm bảo an toàn cho bản thân công trình và các công trình lân cận, không làm hư hỏng hay biến dạng bất cứ công trình hay nền móng của tất cả các công trình lân cận; đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng và tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình;

m) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;

n) Phối hợp với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có) nhằm đảm bảo rằng tất cả các vật tư, thiết bị sử dụng vào công trình đúng theo quy định của Hợp đồng;

o) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;

p) Có trách nhiệm bố trí thiết bị và nhân lực trực thường xuyên trên công trường để chủ động thực hiện công tác phòng, chống lụt bão, triều cường đảm bảo an toàn công trình và khu vực dân cư trong quá trình thi công;

q) Khi được Bên A bàn giao mặt bằng thi công, Bên B phải tiến hành rào ngăn và bố trí trạm gác xung quang công trường;

r) Trong quá trình thi công và vận chuyển vật tư Bên B phải có biện pháp chống sạt lở, đảm bảo an toàn các công trình hạ tầng hiện hữu xung quanh và có hướng xử lý khắc phục nếu để xảy ra tình trạng sạt lở, hư hỏng trong quá trình thi công;

s) Thực hiện công tác sử dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong giai đoạn thi công của gói thầu, từ lúc khởi công đến khi hoàn thành các hạng mục công trình và các

nghĩa vụ Hợp đồng theo hướng dẫn của đơn vị tư vấn thiết lập mô hình thông tin công trình BIM và Bên A;

t) Lập biện pháp thi công (thuyết minh và bản vẽ) thể hiện chi tiết phương án khảo sát, đào thăm dò, xử lý giao cắt, gia cố đảm bảo an toàn cho đường ống cấp nước hiện hữu, công tác dẫn dòng thi công, cấp điện lực ngầm hiện hữu và hệ thống cáp viễn thông ngầm hiện hữu cũng như hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu đi nổi trong quá trình thi công hệ thống cống thoát nước xây dựng mới trong biện pháp tổ chức thi công trình Bên A phê duyệt;

u) Lập phương án bố trí mặt bằng trụ sở công trường, kho bãi tập kết vật tư, thiết bị thi công, lán trại bãi đúc phù hợp với vị trí công trường;

v) Lập bản vẽ biện pháp thi công (thuyết minh và bản vẽ) thể hiện chi tiết phương án phối hợp thi công đồng bộ các hạng mục của gói thầu XL-02 với gói thầu XL-01, XL-03 (sau khi gói thầu XL-01, XL-03 được triển khai thi công) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

x) Các công việc khác trong quá trình thực hiện Hợp đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng, các tài liệu kèm theo Hợp đồng và quy định của pháp luật.

6.3. Phạm vi công việc thực hiện đối với Hợp đồng thi công xây dựng: Là việc cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công và thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt [quy định tại **ĐKCT**].

6.4. Nội dung công việc các thành viên trong liên danh được [quy định tại **ĐKCT**].

### **Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng**

---

#### 7.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng thi công xây dựng

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng thi công xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 như sau:

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật, phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Bên B phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Bên B phải cung cấp cho Bên A các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của Hồ sơ hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

#### 7.2. Kiểm tra, giám sát của Bên A

a) Bên A được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Bên B phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong Hợp đồng Bên A được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Bên B phải tạo mọi điều kiện cho người của Bên A để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Bên B.

Đối với các công việc mà người của Bên A được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Bên B phải thông báo cho Bên A biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Bên A phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Bên B việc Bên A không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Bên B có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Bên A không tham gia quá trình này thì Bên A không được khiếu nại về các vấn đề trên.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Bên A chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

#### 7.4. Chạy thử của công trình (nếu có)

Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Bên B phải trình Bên A các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.

Bên B phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành chạy thử cụ thể một cách hiệu quả. Bên B phải thống nhất với Bên A về thời gian, địa điểm tiến hành chạy thử của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.

Bên A phải thông báo trước 03 ngày [quy định tại **ĐKCT**] cho Bên B về ý định của mình là sẽ tham gia vào lần chạy thử. Nếu Bên A không tham gia vào lần chạy thử tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Bên B có thể tiến hành chạy thử và việc chạy thử coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Bên A, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.

Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Bên A, hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Bên A, Bên B phải thông báo cho Bên A biết và được:

- a) Gia hạn thời gian do sự chậm trễ;
- b) Thanh toán mọi chi phí cộng thêm vào giá Hợp đồng.

Bên B phải trình cho Bên A các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử và các bên ký biên bản chạy thử làm cơ sở thanh lý Hợp đồng theo quy định.

#### 7.5. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng [quy định tại **ĐKCT**].

#### 7.6. Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Bên B phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên A yêu cầu nhưng đảm bảo không vượt quá khoảng thời gian thực hiện các công việc còn tồn đọng đó quy định trong Hợp đồng.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót

- Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Bên A hoặc đại diện của Bên A có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Bên B biết về ngày này.

- Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Bên A có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Bên B phải chịu mọi chi phí (Bên B không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Bên A), Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo Hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Bên A không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Bên A sẽ chấm dứt Hợp đồng; khi đó, Bên B sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A theo Hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Bên A đồng ý, Bên B có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

#### 7.7. Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Bên A có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của Bên B.

#### 7.8. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

### **Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng**

---

8.1. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015.

#### 8.2. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng

Ngày khởi công công trình được xác định trong Thông báo khởi công công trình do Bên A phát hành [quy định tại **ĐKCT**].

Bên B sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình theo nội dung của Thông báo khởi công công trình do Bên A phát hành và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.

Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày khởi công công trình trong Thông báo khởi công công trình của Bên A đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình (bao gồm cả thứ bảy và chủ nhật). Thời gian thực hiện trên không bao gồm thời gian ngừng thi công do có thông báo của Bên A hoặc của các cấp có thẩm quyền và thời gian bảo dưỡng cây xanh.

#### 8.3. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng Bên B phải lập tiến độ chi tiết (theo biểu đồ Grant) để trình cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và trước khi có Lệnh khởi công [quy định tại **ĐKCT**]. Sau ngày khởi công Bên B cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế

hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Bên B. Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của Bên B và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Bên B phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Bên B được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng.

Bên B phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp đồng thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 07 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Bên B và các bên thống nhất về tiến độ thi công phù hợp với thực tế. Bên A sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công phù hợp với thực tế này để yêu cầu Bên B thực hiện theo tiến độ của Hợp đồng.

Trường hợp Bên B thông báo cho Bên A về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá Hợp đồng. Trong trường hợp đó, Bên A hoặc nhà thầu tư vấn có thể yêu cầu Bên B báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo khoản 8.4 [Điều chỉnh tiến độ Hợp đồng thi công xây dựng]. Bên B phải nộp cho Bên A một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.

#### 8.4. Điều chỉnh tiến độ Hợp đồng thi công xây dựng

a) Điều chỉnh tiến độ Hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023.

b) Bên A và Bên B sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Bên A không trao cho Bên B quyền tiếp cận, sử dụng các phần hoặc toàn bộ công trường theo thời gian quy định;

- Bên A chậm trễ không có lý do trong việc cấp biên bản nghiệm thu công trình;

- Bên B tuân thủ các hướng dẫn của Bên A khi các hướng dẫn của Bên A đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó.

c) Bên B được phép theo Điều 23 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng;

- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng;

- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Bên A, nhân lực của Bên A hay các Bên B khác của Bên A gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Bên B gây ra;

- Do Bên A không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của Hợp đồng.

#### 8.5. Đẩy nhanh tiến độ

Trường hợp Bên A cần Bên B hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Bên A phải yêu cầu Bên B đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Bên A chấp nhận các chi phí mà Bên B đề xuất thì ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Bên A, Bên B xác nhận.

Nếu các chi phí phát sinh do Bên B đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Bên A chấp thuận thì giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của Hợp đồng.

#### 8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Bên A yêu cầu Bên B trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Trường hợp tổng tiến độ thi công kéo dài sau khi đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, Bên B phải xây dựng lại tổng tiến độ và biện pháp thi công phù hợp và trình Bên A chấp thuận.

### **Điều 9. Giá trị Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

---

9.1. Loại Hợp đồng: [quy định tại **ĐKCT**].

9.2. Giá trị Hợp đồng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021.

Tổng giá trị Hợp đồng được [quy định tại **ĐKCT**].

Chi tiết giá Hợp đồng được nêu trong Phụ lục đính kèm.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Giá trị chính thức của Hợp đồng căn cứ vào giá trị khối lượng thực hiện thực tế được nghiệm thu, quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Giá Hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 [Điều chỉnh giá Hợp đồng] và nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm).

### 9.3. Tạm ứng

a) Tiền tạm ứng [quy định tại **ĐKCT**] được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của Hợp đồng và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị Hợp đồng đã ký kết tương ứng với mỗi thành viên trong liên danh (không bao gồm dự phòng phí).

b) Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 17 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A], Điều 18 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B] hoặc Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn, khi đó Bên A sẽ trừ vào tiền thanh toán khối lượng hoàn thành đợt kế tiếp hoặc Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận văn bản yêu cầu của Bên A hoặc Bên A sẽ đề nghị ngân hàng bảo lãnh tạm ứng hoàn trả cho Bên A số tiền tạm ứng còn lại.

c) Bên B phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Bên B sẽ bị tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.

### 9.4. Thanh toán

Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được [quy định tại **ĐKCT**].

### 9.5. Thời hạn thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B [quy định tại **ĐKCT**].

### 9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

Bên A sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên B [quy định tại **ĐKCT**] khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 19 [Bảo hiểm và bảo hành].

## 9.7. Đồng tiền và hình thức thanh toán

- a) Đồng tiền thanh toán: bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).
- b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản 100%.

## 9.8. Hồ sơ thanh toán được [quy định tại ĐKCT].

### **Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong Hợp đồng và giá Hợp đồng xây dựng**

---

10.1. Khi điều chỉnh đơn giá Hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023.

10.2. Việc điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong Hợp đồng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023.

10.3. Điều chỉnh giá Hợp đồng xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục I Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023.

10.4. Giá Hợp đồng được điều chỉnh trong một số trường hợp quy định tại Điều 21 [Sự kiện bồi thường].

### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên A**

---

#### 11.1. Quyền của Bên A

a) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Bên B và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Bên A thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Bên B;

b) Nếu Bên A xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Bên B.

c) Trường hợp Bên A nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Bên B càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Bên A tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Bên A sau đó phải quyết định:

- Số tiền (nếu có) mà Bên A có quyền yêu cầu Bên B thanh toán;
- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;

Bên A có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Bên B. Bên A chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Bên B hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Bên B theo khoản này;

- Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

#### 11.2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Phải xin giấy phép xây dựng theo quy định;

b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Bên B quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp đồng;

c) Cử và thông báo bằng văn bản cho Bên B về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng;

d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Bên B theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng;

đ) Thuê tư vấn giúp Bên A giám sát theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 của Hợp đồng này [Quyền và nghĩa vụ của nhà tư vấn];

e) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (*nếu có*) theo thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Xem xét và chấp thuận kịp thời trong thời gian 03 ngày bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên B trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Bên A không trả lời thì coi như Bên A đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Bên B;

h) Bên A phải có sẵn để cung cấp cho Bên B toàn bộ các số liệu liên quan mà Bên A có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến Hợp đồng.

Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B**

---

#### 12.1. Quyền của Bên B

a) Được quyền đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng quy định tại Điều 4 Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết.

c) Tiếp cận công trường:

- Bên A phải bàn giao cho Bên B mặt bằng thi công công trình để Bên B thực hiện Hợp đồng trong thời gian 07 ngày.

- Trường hợp Bên B không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Bên A và phải gánh chịu chi phí phát sinh trong thời gian này thì Bên B được thanh toán chi phí phát sinh và cộng thêm vào trong giá Hợp đồng.

Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Bên B thì Bên B sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí này.

d) Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

## 12.2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Bên B phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong E-HSDT hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Bên A chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong E-HSDT, đảm bảo đúng quy định.

b) Trường hợp Bên A yêu cầu Bên B không sử dụng nhân sự của Bên B cho việc thực hiện Hợp đồng của Bên A với lý do chính đáng, Bên B phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến Hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Bên B phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.

c) Trường hợp Bên A xác định một nhân sự của Bên B tham gia các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình, các hành vi vi phạm pháp luật khác thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc.

d) Bên B phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

đ) Bên B phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán Hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp đồng.

e) Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

g) Bên B phải cử nhân sự có đủ điều kiện, kinh nghiệm, năng lực để sử dụng mô hình thông tin công trình (BIM) theo trình tự từng giai đoạn thi công.

h) Bên B phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên A trong khoảng thời gian 03 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Bên B không trả lời thì được coi như Bên B đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên A.

i) Bên B phải có trách nhiệm phối hợp với Bên A giải trình những vướng mắc khi cấp có thẩm quyền yêu cầu trong quá trình phê duyệt quyết toán công trình.

k) Trường hợp Bên B không kiểm tra số tài khoản thanh toán của Hợp đồng, dẫn đến cơ quan cấp phát vốn không thể chuyển khoản thanh toán Hợp đồng, khi đó Bên B phải bồi hoàn toàn bộ chi phí cho Bên A để nộp phạt cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

l) Cung cấp hóa đơn cho Bên A theo quy định của Bộ Tài chính.

m) Cung cấp Bản sao có chứng thực các Hợp đồng bảo hiểm thuộc trách nhiệm của Bên B theo quy định hiện hành trước ngày Khởi công công trình.

n) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### 12.3. Quyền và nghĩa vụ của tổng thầu thi công xây dựng

a) Tổng thầu thi công xây dựng có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 và các quyền sau:

- Kiểm soát toàn bộ các phương tiện và biện pháp thi công trong phạm vi công trường của toàn bộ dự án.

- Lựa chọn Nhà thầu phụ thông qua đấu thầu hoặc chỉ định thầu phù hợp với Hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng đã ký, Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 và quy định pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, Hợp đồng xây dựng.

- Bổ sung hoặc thay thế các Nhà thầu phụ (nếu cần) để đảm bảo chất lượng, giá cả và tiến độ thực hiện các công việc của Hợp đồng sau khi được Bên A chấp thuận.

b) Tổng thầu thi công xây dựng có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 và các nghĩa vụ sau:

- Tổ chức điều hành công trường, điều phối các Nhà thầu phụ về việc sử dụng hợp lý các công trình phụ trợ, các công trình phục vụ thi công để tránh lãng phí; sử dụng, bảo vệ mặt bằng và giữ gìn an ninh trật tự công trường. Các Nhà thầu phụ phải tuân thủ sự chỉ đạo điều hành của tổng thầu thi công xây dựng về việc điều hành công trường.

- Lập và thỏa thuận với Bên A về kế hoạch tiến độ thực hiện các giai đoạn thi công và hạng mục công trình chủ yếu, kế hoạch thanh toán của Hợp đồng.

- Tổ chức việc mua sắm, chế tạo và cung ứng vật tư, thiết bị theo yêu cầu và tiến độ thực hiện Hợp đồng tổng thầu; thỏa thuận và thống nhất với Bên A về nội dung hồ sơ mời thầu mua sắm các thiết bị công nghệ chủ yếu và chi phí mua sắm thiết bị của Hợp đồng trên cơ sở kết quả đấu thầu về thiết bị (nếu có thỏa thuận trong Hợp đồng).

- Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng các công việc thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và theo các thỏa thuận Hợp đồng.

- Tổ chức, điều phối và quản lý các hoạt động trên công trường; thực hiện biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và an ninh trên công trường.

- Chủ động phối hợp với Bên A trong việc tổ chức đào tạo cán bộ quản lý và công nhân vận hành sử dụng công trình; thực hiện việc chuyển giao công nghệ, bàn giao các bản vẽ, tài liệu kỹ thuật có liên quan đến vận hành, sử dụng và bảo trì công trình cho Bên A.

- Thực hiện các công việc thử nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành chạy thử đồng bộ công trình và bàn giao công trình hoàn thành cho Bên A theo thỏa thuận Hợp đồng và theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện bảo hành công trình theo quy định của Nhà nước.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên A về chất lượng, tiến độ thực hiện công việc theo hợp đồng đã ký kết, kể cả phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện và phải bồi thường vật chất cho những thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

#### 12.4. Nhân lực của Bên B

Nhân lực của Bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Bên A có thể yêu cầu Bên B sa thải (*hay tác động để sa thải*) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Bên B nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Khi đó, Bên B sẽ chỉ định (*hoặc buộc phải chỉ định*) một người khác thích hợp để thay thế. Bên B phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

#### 12.5. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Bên B

Bên B phải trình cho Bên A những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Bên B trên công trường.

#### 12.6. Hợp tác

Bên B phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Bên A; các Bên B khác do Bên A thuê;

Các dịch vụ cho những người này và các Bên B khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Bên B, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Bên B. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá Hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

Bên B phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Bên B khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong E-HSMT của Bên A.

#### 12.7. Định vị các mốc

Bên B phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Bên B phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

Trường hợp, Bên B bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A và có quyền thực hiện theo Điều 23 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

#### 12.8. Điều kiện về công trường

Bên B được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong E-HSMT hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;

b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

đ) Các yêu cầu của Bên B về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Bên B được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá Hợp đồng.

Nếu Bên B gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Bên B cho là không lường trước được, thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Bên A có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Bên B coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Bên B phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với điều

kiện địa chất đó và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Bên A có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì các bên xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 20 của Hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

#### 12.9. Đường đi và phương tiện

Bên B phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Bên B cần có, bao gồm lối vào công trường. Bên B cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Bên B phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Bên B hoặc người của Bên B gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Bên B không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Bên A hoặc những người khác;

b) Bên B (*trong quan hệ giữa các bên*) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Bên B làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Bên B phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Bên A không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Bên B sẽ do Bên B chịu.

#### 12.10. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Bên B phải thông báo cho Bên A không muộn hơn 03 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Bên B phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Bên A đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Bên B.

#### 12.11. Thiết bị Bên B

Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên B không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng

ý của Bên A. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Bên A đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Bên B ra khỏi công trường.

#### 12.12. Hoạt động của Bên B trên công trường

Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Bên A đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên B và nhân lực của Bên B chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Bên B phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên B phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Bên B phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Bên B, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Bên B phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Bên B có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 03 ngày sau khi Bên A cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Bên A có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Bên B sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Bên A.

#### 12.13. Trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh

Các thành viên trong liên danh chịu hoàn toàn trách nhiệm về tiến độ, chất lượng,... của phần công việc mà mình đảm nhận trong thỏa thuận liên danh. Và chịu trách nhiệm toàn diện trước Bên A và Pháp luật về tiến độ, chất lượng,... của phần công việc do đơn vị mình đảm nhận thực hiện.

Từng thành viên liên danh có trách nhiệm tự cung cấp vật liệu xây dựng, huy động thiết bị, nhân lực tổ chức thực hiện phần công việc do mình đảm nhận bảo đảm tiến độ, chất lượng,...

Đồng thời thành viên đứng đầu liên danh phải chịu trách nhiệm chính về tiến độ, chất lượng, ... của toàn bộ công trình kể cả công việc do thành viên liên danh thực hiện.

Khi xảy ra mọi sự chậm trễ và sự cố dẫn đến Bên A phạt Hợp đồng thì các thành viên liên danh phải chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc của mình.

Trong quá trình thực hiện phải có sự phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng của công trình.

Trường hợp thành viên trong liên danh thi công không đảm bảo tiến độ, chất lượng tối đa 03 lần nhắc nhở bằng văn bản của Bên A, thành viên đứng đầu liên danh có quyền báo cáo cho Bên A để xem xét, quyết định tổ chức triển khai thi công phần việc chậm trễ

để đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu. Khi đó, giá trị khối lượng hoàn thành của phần việc chậm trễ sẽ chuyển giao sang các thành viên liên danh trên cơ sở năng lực, kinh nghiệm bằng Phụ lục hợp đồng để làm cơ sở thanh toán.

Trong trường hợp cần thiết, nhằm đảm bảo tiến độ thi công gói thầu, Bên A xem xét, quyết định điều chuyển khối lượng công việc giữa các thành viên liên danh trên cơ sở năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh.

Trong trường hợp cần thiết, phù hợp với điều kiện thi công của gói thầu từng thành viên liên danh phải đề trình bổ sung các nhân sự là Chỉ huy trưởng và Cán bộ An toàn lao động đảm trách phần khối lượng công việc mà thành viên liên danh thực hiện và được Bên A chấp thuận.

#### 12.14. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Bên A. Bên B phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A để hướng dẫn giải quyết. Nếu Bên B gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Bên B phải thông báo cho Bên A và có quyền theo Điều 23 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát thi công xây dựng**

---

#### 13.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (NTVGSTCXD)

Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Bên A giao cho NTVGSTCXD trong Hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. NTVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

NTVGSTCXD không có quyền sửa đổi Hợp đồng. NTVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh NTVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong Hợp đồng. Nếu NTVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Bên A trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong Hợp đồng. Bên A cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của NTVGSTCXD, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

a) NTVGSTCXD không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo Hợp đồng hay cho một bên nào;

b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của NTVGSTCXD (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Bên A khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo Hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

### 13.2. Trách nhiệm của NTVGSTCXD

Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình theo Hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư..

Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

### 13.3. Thay thế NTVGSTCXD

Nếu Bên A có ý định thay thế NTVGSTCXD thì không ít hơn 07 ngày trước khi dự định thay thế, Bên A phải thông báo cho Bên B thông tin chi tiết tương ứng của NTVGSTCXD được dự kiến thay thế. Bên A không được thay thế NTVGSTCXD bằng một người mà Bên B có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Bên A các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

## ĐIỀU 14. NHÀ THẦU PHỤ

14.1. Khi ký Hợp đồng thầu phụ [quy định tại **ĐKCT**], Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Đối với các Nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo Hợp đồng thì phải được Bên A chấp thuận [quy định tại **ĐKCT**];

b) Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc/nghĩa vụ khác đối với phần việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;

c) Bên B không được giao cho Nhà thầu phụ thực hiện vượt quá 30% giá trị Hợp đồng (bao gồm chi phí dự phòng).

### 14.2. Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định (nếu có)

a) Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định là một Nhà thầu được Bên A chỉ định cho Bên B thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Bên B không đáp ứng được tiến độ thực hiện Hợp đồng sau khi Bên A đã yêu cầu.

b) Bên B có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định nếu công việc Bên B đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp đồng.

### 14.3. Hợp tác với Nhà thầu khác.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B phải hợp tác với các Nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các Nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các Nhà thầu khác, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B về những thay đổi đó.

Trường hợp có quy định trong thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Bên A, Bên B phải hợp tác và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Bên A và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Bên A phải thông báo trước cho Bên B về việc này.

14.4. Hợp đồng thầu phụ thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các nội dung trong Hợp đồng thầu phụ có thể tham khảo các mẫu Hợp đồng tại phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023.

## **Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ**

---

### 15.1. An toàn lao động

a) Bên B phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

đ) Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Bên B không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

### 15.2. Bảo vệ môi trường

a) Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Bên B thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên A, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Bên B thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

### 15.3. Phòng chống cháy nổ

Các bên tham gia Hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ.

## **Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường**

---

### 16.1. Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Bên B phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên B cần.

Bên B có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên A; Bên B có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Bên B phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Bên B phải thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

### 16.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Bên B phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Bên B và của Bên A và những người khác do Bên A (hoặc người thay mặt) thông báo cho Bên B biết.

## **Điều 17. Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A**

---

17.1. Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên A:

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể.

Bên A quyết định dừng thực hiện công việc trong Hợp đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B không ít hơn 10 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

17.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện Hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 17.1 của Hợp đồng này [Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên A];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà 10 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A;

đ) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Bên A có thể bằng cách thông báo cho Bên B trước 10 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Bên B ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (đ) Bên A có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Bên A trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo Hợp đồng.

Bên B phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Bên B và các hồ sơ thiết kế khác của Bên B cho Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Bên A và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Bên B và các tài liệu thiết kế khác do Bên B thực hiện hoặc do đại diện Bên B thực hiện.

Bên A sẽ thông báo cho Bên B giải phóng các thiết bị, công trình tạm của Bên B ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian 10 ngày, Bên B phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này.

### 17.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 17.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] có hiệu lực, Bên A sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên B và các khoản tiền phải thanh toán cho Bên B cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

### 17.4. Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 17.2 của Hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] có hiệu lực, Bên A có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Bên B cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Bên A chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Bên B các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên A phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Bên B. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Bên A sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Bên B.

## **Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B**

---

### 18.1. Quyền tạm dừng công việc của Bên B

Nếu Bên A không tuân thủ khoản 9.5 của Hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá 45 ngày; Bên B có thể, sau khi thông báo cho Bên A không muộn hơn 10 ngày, sẽ tạm dừng công việc (*hoặc giảm tỷ lệ công việc*) trừ khi và cho đến khi Bên B được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm dừng công việc của Bên B theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên B đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt Hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B].

Nếu Bên B tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm dừng công việc (*hoặc do giảm tỷ lệ công việc*) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A và theo Điều 23 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

#### 18.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

Bên B được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Bên B không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;

b) Bên A về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;

d) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên B có thể bằng thông báo trước 10 ngày cho Bên A để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm d Bên B có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

#### 18.3. Dừng công việc và di dời thiết bị Bên B

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên B sẽ ngay lập tức:

a) Dừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên A hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;

b) Chuyển giao cho Bên A toàn bộ tài liệu của Bên B, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên B đã được thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

#### 18.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B] đã có hiệu lực, Bên A sẽ ngay lập tức:

a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Bên B;

b) Căn cứ kế hoạch vốn được giao Bên A sẽ thanh toán tiếp cho Bên B phần khối lượng thực hiện đã nghiệm thu nhưng chưa thực hiện thanh toán (nếu có);

c) Yêu cầu Bên B hoàn trả ngân sách số tiền chênh lệch giữa giá trị đã nghiệm thu và thanh toán, tạm ứng (nếu có).

## **Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành**

---

19.1. Bảo hiểm và bảo hành theo Hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 và các quy định tại khoản 19.2, khoản 19.3 Điều này.

### 19.2. Bảo hiểm

- Bên A phải mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Bên A đã mua bảo hiểm công trình, khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Bên B, Bên B phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Bên B không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Bên B được bồi thường thì Bên B phải chịu mức khấu trừ theo quy định của Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Bên A và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm;

- Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Bên B, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

### 19.3. Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Bên B phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 24 tháng, kể từ ngày Bên A ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

Trong thời hạn bảo hành, nếu hạng mục công trình được nghiệm thu, bàn giao có xuất hiện những khiếm khuyết, hư hỏng do lỗi Bên B gây ra, Bên B phải tự khắc phục, sửa chữa và không được Bên A thanh toán thêm bất cứ một chi phí nào. Khi nhận được thông báo của Bên A, trong vòng 03 ngày, Bên B phải triển khai công tác khắc phục, sửa chữa. Nếu sau 03 ngày mà Bên B không sửa chữa khắc phục, Bên A sẽ thuê đơn vị khác sửa chữa. Mọi phí tổn Bên B phải chịu 100%, kể cả chi phí cho công tác quản lý, mà không được khiếu nại gì.

Mức tiền bảo hành là 5% tổng giá trị nghiệm thu được giữ tại ngân hàng của Bên A.

Bên A sẽ thanh toán khoản tiền giữ bảo hành cho Bên B khi Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình, có văn bản xác nhận kết thúc bảo hành của Bên A và biên bản thanh lý hợp đồng được hai bên ký xác nhận.

Xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng:

- Khi kết thúc thời gian bảo hành, Bên B và Nhà thầu cung ứng thiết bị lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi Bên A. Bên A có trách nhiệm xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho Bên B bằng văn bản.

- Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm tham gia xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho Bên B và Nhà thầu cung ứng thiết bị khi có yêu cầu của Bên A.

- Bên B, Nhà thầu cung ứng thiết bị và các Nhà thầu khác có liên quan chịu trách nhiệm về chất lượng đối với phần công việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành.

## **Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng**

---

### 20.1. Rủi ro và bất khả kháng

Rủi ro và bất khả kháng thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015.

### 20.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 20.1 của Hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Bên B, thì Bên B phải ngay lập tức gửi thông báo cho Bên A và sửa chữa những mất mát, hư hỏng trong phạm vi Bên A yêu cầu.

### 20.3. Trách nhiệm của Bên B đối với rủi ro

Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo khoản 7.5 của Hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Bên A. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Bên A.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Bên A, Bên B sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư, thiết bị hoặc tài liệu của Bên B nào trong khoảng thời gian Bên B đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản 20.3 của Hợp đồng [Trách nhiệm của Bên B đối với rủi ro], Bên B sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Bên B, để công trình, vật tư, thiết bị và tài liệu của Bên B đúng với Hợp đồng.

Bên B phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Bên B và quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015.

#### 20.4. Bồi thường rủi ro

Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên A, các nhân viên của Bên A đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Bên A, các nhân viên của Bên A hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Bên B, nhân lực của Bên B hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Bên A phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên B, các nhân viên của Bên B đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát, chi phí, phí (gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh, tật hay chết được quy cho sự cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Bên A, các nhân viên của Bên A.

#### 20.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.

#### 20.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Bên B bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo khoản 20.5 của Hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền theo Điều 23 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ theo khoản 8.3 của Hợp đồng [Gia hạn thời gian hoàn thành];

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong khoản 20.1 của Hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Bên A phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

20.7. Chấm dứt Hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 30 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 20.5 của Hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 60 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 30 ngày sau khi có thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B:

a) Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;

b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Bên B, hoặc những thứ Bên B có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên A khi đã được Bên A thanh toán và Bên B sẽ để cho Bên A tùy ý sử dụng;

c) Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Bên B phải chịu để hoàn thành công trình;

d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Bên B khỏi công trình;

d) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và người lao động được Bên B thuê trong toàn bộ thời gian liên quan đến công trình và thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

## **Điều 21. Sự kiện bồi thường**

---

21.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là sự kiện bồi thường

- Bên B làm thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

- Bên B chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn.

21.2. Bồi thường thiệt hại:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

- Bên B còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A nếu Bên A bị phạt do lỗi của Bên B gây ra. Số tiền bồi thường bằng với số tiền mà Bên A bị phạt.

## **Điều 22. Phạt vi phạm Hợp đồng**

---

### 22.1. Phạt vi phạm thời gian Hợp đồng:

Bên B thực hiện trễ tiến độ đã cam kết trong Hợp đồng thi công thì phạt 2% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm cho 05 ngày chậm đầu tiên, phạt thêm 1% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm mỗi đợt (05 ngày) tiếp theo nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Khi quá thời gian chậm tương ứng với mức phạt 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm, Bên A có quyền đơn phương xem xét ngưng việc thực hiện Hợp đồng.

### 22.2. Phạt khi vi phạm về chất lượng:

Trường hợp Bên B không đảm bảo chất lượng công việc theo yêu cầu, Bên B phải chịu phí tổn liên quan đến việc kiểm tra, khắc phục, thi công lại phần công trình kém chất lượng và các hư hỏng khác, đồng thời phải chịu mức phạt 12% giá trị phần hạng mục thi công bị vi phạm.

22.3. Bên B mỗi lần cập nhật muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết chịu phạt 30.000.000 đồng. Đồng thời Bên A sẽ giữ lại số tiền là .... đồng trong kỳ thanh toán tiếp theo, số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Bên B trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật.

22.4. Bên B không cập nhật nguồn dữ liệu mô hình thông tin công trình BIM chịu phạt 12% giá trị phần khối lượng bị vi phạm.

22.5. Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng hoặc bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng không liên tục, mỗi đợt (01 ngày) phạt 1% giá trị tương ứng của bảo đảm thực hiện Hợp đồng hoặc bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng bị vi phạm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị bị vi phạm.

### 22.6. Phạt vi phạm thời gian làm hồ sơ hoàn công và hồ sơ quyết toán:

Bên B chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công thì chịu phạt 30.000.000 đồng; chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán so với thời gian được quy định của Hợp đồng này thì chịu phạt 30.000.000 đồng. Bên B phải chịu trách nhiệm và đền bù mọi thiệt hại trong trường hợp Bên A bị phạt chậm quyết toán do lỗi của Bên B chậm làm hồ sơ quyết toán.

Bên A sẽ giữ lại số tiền là ..... đồng từ khoản tiền thanh toán của Bên B và sẽ được chuyển vào tài khoản của Bên A - số tài khoản 1057595959 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm. Nếu Bên B không nộp bản vẽ hoàn công hoàn thành công trình hoặc hướng dẫn vận hành vào thời gian quy định của Hợp đồng này. Sau khi hồ sơ quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt thì Bên A sẽ trả lại số tiền cho Bên B.

22.7. Phạt khi không thực hiện Hợp đồng: Trong trường hợp sau 05 ngày kể từ ngày khởi công công trình, Bên B hoàn toàn không thực hiện Hợp đồng đã ký thì Bên A có

quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, thu hồi kinh phí đã tạm ứng, tịch thu bảo đảm thực hiện Hợp đồng, đồng thời Bên B bị phạt đến 12% giá trị Hợp đồng.

22.8. Những vi phạm khác:

Bên B vi phạm do không hoàn thành đủ khối lượng hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu quy định trong Hợp đồng thì phải làm lại cho đủ số lượng và đúng chất lượng.

Phạt Bên B khi vi phạm quy định về thi công xây dựng theo Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022.

22.9. Tổng số mức phạt tối đa không quá 12% giá trị Hợp đồng bị vi phạm.

22.10. Ngoài mức phạt nêu trên, Bên B còn phải bồi thường chi phí giám sát kỹ thuật và chi phí quản lý dự án do vi phạm tiến độ, cụ thể như sau:

**Tiền bồi thường chi phí giám sát:**

+ Chi phí giám sát bình quân 01 ngày = (Chi phí giám sát trong dự toán được duyệt)/số ngày thi công theo Hợp đồng.

+ Tiền bồi thường chi phí giám sát = (Chi phí giám sát bình quân 01 ngày) x (số ngày chậm trễ).

**Tiền bồi thường chi phí quản lý:**

+ Chi phí quản lý bình quân 01 ngày của Bên A = (chi phí quản lý trong dự toán được duyệt)/số ngày thi công theo Hợp đồng.

+ Tiền bồi thường chi phí quản lý dự án = (Chi phí quản lý bình quân 01 ngày) x (số ngày chậm trễ).

**Bồi thường thiệt hại cho Bên A:** Ngoài các nội dung quy định nêu trên, Bên B còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A nếu Bên A bị phạt do lỗi của Bên B gây ra. Số tiền bồi thường bằng với số tiền mà Bên A bị phạt.

**Điều 23. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp**

---

23.1. Khiếu nại

Thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015.

23.2. Xử lý các tranh chấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015.

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam [quy định tại **ĐKCT**]. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

23.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

## **Điều 24. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**

---

### 24.1. Quyết toán Hợp đồng

Quyết toán Hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021, quy định pháp luật khác có liên quan và gồm các quy định sau:

Trong vòng 30 ngày [quy định tại **ĐKCT**] sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 10 (bộ) quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng;
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành;
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B;
- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng (*nếu có*).

Thời hạn Bên B giao nộp hồ sơ quyết toán Hợp đồng không được quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo Hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).

Sau khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, căn cứ vào kế hoạch vốn được giao, Bên A sẽ thanh toán phần giá trị còn lại của Hợp đồng được nghiệm thu cho Bên B theo giá trị quyết toán được duyệt và thực hiện thanh lý Hợp đồng.

### 24.2. Thanh lý Hợp đồng

Thanh lý Hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và các quy định sau:

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 17 của Hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A], Điều 18 của Hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B].

b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo điểm a khoản 24.2 Điều này.

#### 24.3. Chấm dứt trách nhiệm của Bên A

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

### **Điều 25. Hiệu lực của Hợp đồng**

---

25.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này. Số bản, trang, Phụ lục và ngôn ngữ Hợp đồng.

25.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng và sau khi Bên A đã nhận được đầy đủ các bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

25.3. Tính pháp lý của Hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Bên A, Bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

### **Điều 26. Điều khoản chung**

---

26.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong Hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.

26.2. Hợp đồng này được lập thành 20 bản bằng tiếng Việt. Bên A sẽ giữ 06 bản, Bên B sẽ giữ 14 bản.

26.3. Hợp đồng này Bên B không được mang đi thế chấp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng với mọi hình thức.

## PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

---

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. *Chủ Đầu tư* là **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**.

1.2. *Công trình* bao gồm:

- Gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp.

- Địa điểm: Quận Bình Thạnh và quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. *Công trường* tại Quận Bình Thạnh và quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và được xác định trong Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công mà Bên A cung cấp cho Bên B.

Thông tin về công trường Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

1.4. *Ngày khởi công* là: Ngày ghi trong Thông báo khởi công công trình.

1.5. Nhà thầu (gọi tắt là **Bên B**): **LIÊN DANH .....**

### ĐIỀU 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

2.1. Hồ sơ Hợp đồng: Bao gồm các tài liệu làm căn cứ ký kết Hợp đồng; các điều khoản và điều kiện cụ thể của Hợp đồng; các phụ lục của Hợp đồng (nếu có) và các văn bản tài liệu khác có liên quan đến việc ký kết, thực hiện Hợp đồng được các bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hồ sơ Hợp đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của Hồ sơ Hợp đồng tại thời điểm ký kết Hợp đồng này.

Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:

- a) Hợp đồng, các tài liệu kèm theo Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng (nếu có);
- b) Hồ sơ thiết kế thi công và dự toán được phê duyệt, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu, ...;
- c) Thư chấp thuận HSDT và trao Hợp đồng;
- d) Biên bản đối chiếu nhà thầu;
- đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

- e) E-ĐKCT;
- g) E-ĐKC;
- h) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Bên B;
- i) E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có);
- k) Các tài liệu khác có liên quan.

2.2. Thứ tự ưu tiên: Thứ tự ưu tiên các mục được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của khoản 2.1 Điều này.

### **ĐIỀU 3. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG**

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng là tiếng Việt.

### **ĐIỀU 4. THÔNG BÁO**

Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm phát hành.

### **Điều 5. Bảo đảm thực hiện và Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng**

---

5.1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

- Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng thư bảo lãnh của Ngân hàng tương đương 5% giá trị Hợp đồng (Bao gồm chi phí dự phòng) với giá trị là .... **đồng (Bằng chữ: ..... đồng)** cho Bên A trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký kết Hợp đồng. Tất cả bảo đảm thực hiện Hợp đồng phải đảm bảo vô điều kiện, không hủy ngang và được Bên A chấp thuận.

- Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm thực hiện Hợp đồng tương ứng với phần giá trị Hợp đồng mà mỗi thành viên liên danh thực hiện. Trong trường hợp có thành viên liên danh không nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo đúng thời hạn thì thành viên đứng đầu liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho toàn bộ giá trị Hợp đồng của thành viên liên danh. Hoặc thành viên liên danh bất kì có đủ điều kiện và năng lực có thể đứng ra bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho một hoặc toàn bộ thành viên liên danh còn lại. Khi đó, giá trị khối lượng hoàn thành của thành viên không thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng này sẽ được Bên A xem xét, quyết định để chuyển giao khối lượng sang thành viên đứng đầu liên danh hoặc thành viên đứng ra bảo lãnh để làm cơ sở thực hiện và thanh toán.

Bảo đảm thực hiện Hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên B đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với Hợp đồng đã ký kết được Bên A nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình.

Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện Hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị và hiệu lực theo quy định của Hợp đồng này mà không phụ thuộc vào tiến độ thực hiện công việc của từng thành viên trong liên danh. Cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Tên thành viên trong liên danh</b>	<b>Giá trị bảo đảm Hợp đồng (đồng)</b>
1	Thành viên đứng đầu liên danh (thành viên liên danh thứ nhất)	<b>CÔNG TY .....</b>	
2	Thành viên liên danh thứ hai	<b>CÔNG TY .....</b>	
3	Thành viên liên danh thứ ba	<b>CÔNG TY .....</b>	
4	Thành viên liên danh thứ tư	<b>CÔNG TY .....</b>	
5	Thành viên liên danh thứ năm	<b>CÔNG TY .....</b>	
<b>Tổng cộng</b>			

## 5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng

Trước khi Bên A tạm ứng Hợp đồng cho Bên B, Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng tương đương 30% giá trị Hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng) với tổng giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng Hợp đồng là .... **đồng**. Tất cả các bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang và phải được Bên A chấp thuận.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng cho Bên A, mức bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng với phần giá trị tạm ứng Hợp đồng của mỗi thành viên liên danh. Thành viên đứng đầu liên danh hoặc các thành viên liên danh có thể thỏa thuận để thực hiện việc bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng trong trường hợp có thành viên không nộp bảo lãnh tiền tạm ứng theo đúng thời hạn.

Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Bên A đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải thực hiện bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng có giá trị và hiệu lực theo quy định của Hợp đồng này. Cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Tên thành viên trong liên danh</b>	<b>Giá trị bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng (đồng)</b>
1	Thành viên đứng đầu liên danh (thành viên liên danh thứ nhất)	<b>CÔNG TY .....</b>	
2	Thành viên liên danh thứ hai	<b>CÔNG TY .....</b>	
3	Thành viên liên danh thứ ba	<b>CÔNG TY .....</b>	
4	Thành viên liên danh thứ tư	<b>CÔNG TY .....</b>	
5	Thành viên liên danh thứ năm	<b>CÔNG TY .....</b>	
<b>Tổng cộng</b>			

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán và đảm bảo tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị Hợp đồng đã ký kết tương ứng với mỗi thành viên trong liên danh.

#### **Điều 6: Nội dung và khối lượng công việc**

6.1. Phạm vi công việc thực hiện đối với Hợp đồng thi công xây dựng: Theo thỏa thuận liên danh ngày ... tháng ... năm 2025 việc phân công trách nhiệm thực hiện công việc của các thành viên như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên các thành viên trong liên danh</b>	<b>Nội dung công việc đảm nhận</b>	<b>Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu</b>
1	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên đứng đầu liên danh (thành viên liên danh thứ nhất):	...%
2	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên liên danh thứ hai:	...%
3	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên liên danh thứ ba:	...%
4	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên liên danh thứ tư:	...%
5	<b>CÔNG TY .....</b>	Là thành viên liên danh thứ năm:	...%
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

Bên B lập Bảng phân chia chi tiết khối lượng công việc thực hiện của các thành viên Bên B trên cơ sở Hồ sơ mời thầu, thỏa thuận liên danh và Hồ sơ dự thầu của Bên B để làm cơ sở ký kết đơn giá Hợp đồng. Khối lượng thực hiện sau khi phân chia không được điều chuyển qua lại giữa các thành viên liên danh, trừ trường hợp việc điều chuyển là hợp lý và được sự chấp thuận của Bên A.

Khối lượng phân chia công việc không làm thay đổi nghĩa vụ, trách nhiệm chung của thành viên đứng đầu liên danh và thành viên liên danh đối với toàn bộ công trình trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.

Trên cơ sở phần khối lượng được phân chia, từng thành viên liên danh có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, tổ chức triển khai thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ của gói thầu và thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp được ký giữa Bên A và Bên B. Chịu trách nhiệm trước Bên A về mọi công việc, mọi giao dịch có liên quan đến việc thực hiện gói thầu theo đúng tỷ lệ khối lượng và giá trị đã được phân chia.

#### 6.2. Tiền thanh toán và tạm ứng:

Tiền tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, Bên A sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản của từng thành viên liên danh.

#### 6.3. Quy định về sử dụng con dấu:

- Các thành viên liên danh thống nhất sử dụng con dấu trong các văn bản chung của Bên B là con dấu của **CÔNG TY .....**

- Và mỗi thành viên sẽ sử dụng con dấu riêng của mình đối với các hồ sơ, văn bản liên quan đến phần việc mà thành viên đó đảm nhận và chịu trách nhiệm.

## **Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng**

---

### 7.1 Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng thi công xây dựng

Bên B cung cấp vật liệu, thiết bị đảm bảo có nguồn gốc xuất xứ, quy cách, thương hiệu, tên hãng sản xuất...

#### a) Về vật tư:

- Vật tư phải đảm bảo đúng chủng loại theo quy định Hồ sơ Hợp đồng; đúng tiêu chuẩn kỹ thuật được Bên A chấp thuận; đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu Hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, HSMT, HSĐT và cung cấp đúng theo tiến độ thi công công trình.

- Vật tư nhập khẩu phải có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) của nhà sản xuất và các giấy tờ liên quan khác của vật tư tuân thủ các quy định có liên quan.

- Vật tư phải được lấy mẫu thí nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng tại công trường, có Biên bản lấy mẫu của Bên A/hoặc Nhà thầu tư vấn. Việc thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn. Số lượng và chủng loại thí nghiệm tuân thủ theo quy định hiện hành và Hồ sơ hợp đồng. Toàn bộ chi phí này do Bên B chịu.

- Những vật tư không đảm bảo về chủng loại, chất lượng, các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như yêu cầu của Hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt...buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay khi Bên A yêu cầu. Trường hợp Bên B không chấp thuận chuyển số vật tư không đạt các yêu cầu nêu trên, Bên A sẽ thuê bên thứ ba thực hiện, mọi chi phí để trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B thanh toán hoặc được trừ vào giá trị thanh toán đợt của Bên B.

#### b) Về thiết bị:

- Thiết bị thi công đưa vào công trường phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý; đảm bảo đã kiểm định và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật, giấy tờ kiểm định còn hiệu lực sử dụng.

- Những thiết bị thi công không đảm bảo các yêu cầu nêu trên buộc phải di chuyển khỏi phạm vi công trường ngay khi Bên A yêu cầu. Trường hợp Bên B không chấp thuận chuyển số vật tư không đạt các yêu cầu nêu trên, Bên A sẽ thuê bên thứ ba thực hiện, mọi

chi phí để trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B thanh toán hoặc được trừ vào giá trị thanh toán đợt của Bên B.

### 7.2. Chạy thử của công trình (nếu có)

Thời gian chạy thử là 07 ngày sau ngày đã thông báo hoặc vào ngày yêu cầu.

Bên B phải trình cho Bên A các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử. Khi các lần chạy thử cụ thể đã được tiến hành xong, Bên A sẽ chấp thuận biên bản chạy thử của Bên B. Nếu như Bên A không tham gia vào các cuộc kiểm định, coi như họ đã chấp nhận các báo cáo là chính xác.

### 7.3. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Thời gian phản hồi Bên B là 07 ngày sau ngày kể từ khi nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Bên B.

Sau khi các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành, công trình chạy thử (nếu có) đáp ứng các Điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021. Sau khi công trình đủ Điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Bên B phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

Cự ly vận chuyển trong E-HSĐT là tạm tính, trong giai đoạn thi công, khối lượng và cự ly vận chuyển cụ thể sẽ được Bên B, Đại diện Tư vấn giám sát và các cơ quan chức năng xác định dựa trên khối lượng thi công, vận chuyển thực tế ngoài hiện trường.

Công tác nghiệm thu thi công khoan kích ống ngầm BTCT được Bên B thực hiện từng bước theo trình tự và biện pháp thi công trong Hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt. Sau khi hoàn thiện thi công Bên A, Đại diện Tư vấn giám sát kiểm tra và nghiệm thu độ kín khít bao gồm các đầu nối, hố ga, hố thăm phải được thử nghiệm tuân thủ theo Phụ lục B tiêu chuẩn cơ sở TCCS 46: 2013/IBST, kết quả kiểm tra và nghiệm thu phải được lập Biên bản nghiệm thu theo quy định hiện hành.

Bên B phải sử dụng mô hình thông tin công trình (BIM) do đơn vị tư vấn thiết kế lập để quản lý Hồ sơ hoàn thành công trình. Thành phần hồ sơ hoàn thành theo đúng quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021. Khi cần thiết hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các hồ sơ này phải được trích xuất, in thành bản giấy và được Bên A xác nhận.

Bên B có trách nhiệm lập bản vẽ hoàn công công việc xây dựng, bộ phận/giai đoạn/hạng mục công trình và công trình xây dựng do mình thi công. Các bộ phận bị che khuất của công trình phải được lập bản vẽ hoàn công hoặc được đo đạc xác định kích thước thực tế trước khi tiến hành công việc tiếp theo. Cách lập và xác nhận bản vẽ hoàn công được thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Bản vẽ hoàn công công trình phải nộp chậm nhất 30 ngày sau khi thi công hoàn thành công trình.

Thành phần tham gia nghiệm thu, bàn giao sản phẩm gồm:

- Đại diện Bên A.
- Đại diện Bên B.
- Đại diện Nhà thầu tư vấn.

Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao sản phẩm gồm:

- Bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý chất lượng, biên bản nghiệm thu (chất lượng và tiến độ), nhật ký thi công, bảng xác nhận khối lượng hoàn thành được các bên thống nhất trên cơ sở quy định của Nhà nước.

- Kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu...

- Bên B phải lập và trình Bên A 06 bộ Hồ sơ hoàn thành công trình (01 bản chính, 05 bản sao và 01 USB cung cấp toàn bộ dữ liệu (file mềm) và dữ liệu đã được đóng dấu phê duyệt (file scan)) theo đúng quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021.

7.4. Giao nộp Hồ sơ của Hợp đồng:

- Tất cả các Hồ sơ của Hợp đồng Bên B giao nộp ngoài những bản giấy còn phải được lưu, scan và nộp cho Bên A 01 USB cung cấp toàn bộ dữ liệu (file mềm) và dữ liệu đã được đóng dấu phê duyệt (file scan).

## **Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng**

---

8.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng

- Ngày bắt đầu công việc theo Thông báo khởi công công trình do Bên A phát hành.
  - Thời gian thông báo trước cho Bên B về ngày bắt đầu công việc là 07 ngày.
  - Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc là ... **ngày** kể từ ngày khởi công công trình.
- Trong đó thời gian tối đa hoàn thành toàn bộ công việc như sau:

- + Thời gian thi công hoàn thành các hạng mục công trình thuộc gói thầu: ... **ngày** kể từ ngày khởi công công trình.

- + Thời gian thực hiện lập hồ sơ hoàn thành công trình, tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (bao gồm cả hồ sơ quyết toán A-B):  
**... ngày.**

- Từng thành viên trong liên danh phải hoàn thành khối lượng công việc theo tiến độ thi công chi tiết (theo biểu đồ Grant) được Bên A phê duyệt.

- Trong quá trình thực hiện các thành viên trong liên danh của Bên B cam kết phối hợp, hỗ trợ qua lại nhằm đảm bảo tiến độ đã đề xuất.

- Thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm trong trường hợp công trình có phát sinh khối lượng hoặc do các nguyên nhân khách quan không phải lỗi của Bên B gây ra ảnh hưởng đến thời gian thi công và phải được Bên A chấp thuận bằng văn bản hoặc biên bản cụ thể làm cơ sở Phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian.

- Trong trường hợp Bên B chậm trễ quá thời gian thi công ghi trong Hợp đồng mà không có lý do chính đáng được xác nhận thì Bên B phải chịu phạt theo quy định tại Hợp đồng này.

## 8.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

- Thời gian trình tiến độ chi tiết thực hiện công việc là 07 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và trước khi ra Thông báo khởi công công trình.

- Thời gian phản hồi cho Bên B về tiến độ đề xuất là 05 ngày kể từ ngày Bên A nhận được bảng tiến độ của Bên B và các bên thống nhất về tiến độ thi công phù hợp với thực tế.

- Trường hợp tiến độ thi công chi tiết bị kéo dài hơn so với tiến độ chi tiết ban đầu, trong vòng 05 ngày Bên B phải cập nhật lại bảng tiến độ chi tiết và phải được Bên A chấp thuận.

## 8.3. Điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng

### 8.3.1 Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng xây dựng theo quy định sau:

- Trường hợp thời hạn hoàn thành chậm hơn so với tiến độ của Hợp đồng, các bên phải xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra.

- Tiến độ thực hiện Hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- + Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, địch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

- + Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

+ Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng, tạm dừng Hợp đồng do lỗi của Bên A, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của Bên B gây ra.

+ Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên A gây ra.

- Khi điều chỉnh tiến độ Hợp đồng không làm kéo dài tiến độ thực hiện Hợp đồng (bao gồm cả thời gian được kéo dài tiến độ thực hiện Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng thi công xây dựng) thì Bên A và Bên B thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tiến độ thực hiện Hợp đồng thì Bên A phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

8.3.2. Khi điều chỉnh tiến độ Hợp đồng xây dựng do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác, Bên A và Bên B có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

8.3.3 Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên A gây ra thì cần thực hiện các công việc sau:

- Bên A, Bên B căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng thì Bên A, Bên B căn cứ nội dung Hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

## **Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

---

9.1. Loại Hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh

9.2. Giá Hợp đồng

Giá trị Hợp đồng: ... **đồng** (*Bằng chữ: .... đồng*). Trong đó:

- **Chi phí xây lắp:** ... **đồng.**

- **Chi phí dự phòng (...%):** ... **đồng.**

Theo thỏa thuận **LIÊN DANH ....** của nhà thầu liên danh thì giá trị xây lắp từng thành viên liên danh đảm nhận cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Tên thành viên trong liên danh</b>	<b>Giá trị thực hiện Hợp đồng (đồng)</b>	<b>(Tỷ lệ % so với tổng giá trị Hợp đồng)</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí xây lắp:</b>			
1	Thành viên đứng đầu liên danh (thành viên liên danh thứ nhất)	<b>CÔNG TY .....</b>		...%
2	Thành viên liên danh thứ hai	<b>CÔNG TY .....</b>		...%
3	Thành viên liên danh thứ ba	<b>CÔNG TY .....</b>		...%
4	Thành viên liên danh thứ tư	<b>CÔNG TY .....</b>		...%
5	Thành viên liên danh thứ năm	<b>CÔNG TY .....</b>		...%
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng (....%):</b>			
<b>Tổng cộng</b>				<b>100%</b>

Chi tiết giá trị hợp đồng được quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng và đính kèm theo Hợp đồng này.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế, phí, chi phí rủi ro liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật và chi phí dự phòng.

Giá trị chính thức của Hợp đồng căn cứ vào giá trị khối lượng thực hiện thực tế được nghiệm thu, quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Giá Hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 [Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong Hợp đồng và giá Hợp đồng xây dựng] của Phần 3 và Phần 4 Hợp đồng này.

Tiền tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, Bên A sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản riêng của từng thành viên liên danh. Các tài khoản được thể hiện chi tiết trong Hợp đồng xây lắp này được ký kết giữa Bên B và Bên A.

### 9.3. Tạm ứng

- Căn cứ vào kế hoạch vốn được giao, sau khi Hợp đồng được ký kết, có hiệu lực và Bên A đã nhận bảo lãnh tạm ứng hợp đồng, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng) tương ứng với số tiền là ... **đồng** (*Bằng chữ: ... đồng*).

Sau thời hạn **90 ngày** kể từ ngày tạm ứng Hợp đồng, nếu thành viên liên danh của Bên B chưa có khối lượng thực hiện ngoài hiện trường được Tư vấn giám sát và Bên A chấp thuận hoặc sử dụng số tiền tạm ứng sai mục đích thì thành viên liên danh của Bên B có nghĩa vụ hoàn trả ngân sách số tiền đã tạm ứng.

Tiền tạm ứng sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng của từng thành viên liên danh tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc từng thành viên đảm nhận được ký kết tại Hợp đồng này. Cụ thể như sau:

STT	Thành viên	Tên thành viên trong liên danh	Giá trị tạm ứng Hợp đồng (đồng)
1	Thành viên đứng đầu liên danh (thành viên liên danh thứ nhất)	<b>CÔNG TY .....</b>	
2	Thành viên liên danh thứ hai	<b>CÔNG TY .....</b>	

<b>STT</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Tên thành viên trong liên danh</b>	<b>Giá trị tạm ứng Hợp đồng (đồng)</b>
3	Thành viên liên danh thứ ba	<b>CÔNG TY .....</b>	
4	Thành viên liên danh thứ tư	<b>CÔNG TY .....</b>	
5	Thành viên liên danh thứ năm	<b>CÔNG TY .....</b>	
<b>Tổng cộng</b>			

Bên B phải có cam kết sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng kế hoạch phục vụ thi công gói thầu XL-02. Nghiêm cấm việc tạm ứng mà không sử dụng hoặc sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích của Hợp đồng đã ký. Trường hợp Bên A phát hiện việc chi tiền từ số tiền tạm ứng không đúng đối tượng, không đúng mục đích sử dụng cho việc thi công gói thầu XL-02 của Hợp đồng đã ký, Bên A có quyền yêu cầu Bên B hoàn trả tiền tạm ứng hoặc Bên A sẽ tịch thu bảo lãnh tiền tạm ứng và yêu cầu ngân hàng bảo lãnh tạm ứng thực hiện hoàn trả số tiền đã chi sai mục đích từ số tiền tạm ứng của Bên B.

Trong vòng **90 ngày** kể từ ngày nhận được khoản tiền tạm ứng Hợp đồng, Bên B phải có báo cáo cho Bên A về việc sử dụng số tiền đã tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng kế hoạch phục vụ thi công gói thầu XL-02 (báo cáo bao gồm các nội dung chi từ khoản tạm ứng, số tiền chi...) được Ngân hàng xác nhận và Bên B chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo này.

Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán, mức thu hồi của từng lần tối thiểu 37,5% giá trị từng đợt nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị Hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng).

Điều kiện để được tạm ứng hợp đồng: Trên cơ sở kế hoạch vốn giao, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B sau khi Hợp đồng được hai bên ký kết có hiệu lực và đảm bảo nhân sự, thiết bị để chuẩn bị khởi công và Bên A đã nhận được các tài liệu sau đây:

- + Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B.
- + Bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này.
- + Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng.

+ Kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần) của tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng bàn giao cho Bên A.

#### 9.4. Thanh toán

- Đồng tiền sử dụng để thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

- Nguồn vốn thanh toán: Vốn ngân sách thành phố.

Căn cứ khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và đơn giá thanh toán trong Hợp đồng hoặc đơn giá điều chỉnh, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo đúng tài khoản của từng thành viên liên danh.

Thanh toán thực hiện theo các đợt như sau:

Căn cứ theo kế hoạch vốn năm ghi cho công trình và được cơ quan cấp phát vốn chấp thuận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo thể thức như sau:

+ Khi Bên B có khối lượng hoàn thành theo từng bộ phận hoặc giai đoạn thi công được nghiệm thu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu đó, đồng thời thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán; Nhưng tổng giá trị các đợt được thanh toán không vượt 90% giá trị Hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng) của từng thành viên liên danh.

+ Khi công trình hoàn thành được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được cơ quan thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của Bên A, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 98% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu (trong đó: Bên A sẽ trích 5% tiền bảo hành công trình vào tài khoản của Bên A - số tài khoản 1057595959 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm). Trường hợp Bên B nộp cho Bên A chứng thư bảo lãnh chờ phê duyệt quyết toán có giá trị tương ứng 2% giá trị đề nghị quyết toán thì Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị đề nghị quyết toán cho Bên B.

Bảo lãnh chờ phê duyệt quyết toán là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang và phải được Bên A chấp thuận. Bảo lãnh phải có hiệu lực liên tục cho đến khi công trình được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán và hai bên đã thanh lý Hợp đồng.

+ Sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng cho Bên B căn cứ theo giá trị quyết toán công trình được duyệt.

Nếu giá trị quyết toán của gói thầu được cấp thẩm quyền phê duyệt, kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán thấp hơn giá trị mà Bên A đã thanh toán cho Bên B thì Bên B hoặc Ngân hàng bảo lãnh chờ quyết toán phải có trách nhiệm hoàn trả khoản chênh lệch này vào tài khoản Bên A để Bên A nộp hoàn trả Ngân sách trong thời hạn 05 ngày kể từ

ngày nhận được yêu cầu của Bên A, mà không được chậm trễ hoặc từ chối thực hiện vì bất cứ lý do gì.

Việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài Hợp đồng) chưa có đơn giá trong Hợp đồng thực hiện theo các thỏa thuận Hợp đồng hoặc thỏa thuận bổ sung Hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

Công tác tạm ứng, thanh quyết toán giá trị Hợp đồng căn cứ vào kế hoạch vốn được cấp thẩm quyền giao để thực hiện, không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

#### 9.5. Thời hạn thanh toán

Bên A sẽ lập thủ tục thanh toán cho Bên B trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A đã nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.

#### 9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

Bên A sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên B khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 19. [Bảo hiểm và bảo hành] của Phần 3.

#### 9.8. Hồ sơ thanh toán

- Hồ sơ thanh toán 10 bộ.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

+ Hồ sơ hoàn công của các công việc được nghiệm thu trong giai đoạn thanh toán; Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành (biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng) tương ứng với các công việc theo Hợp đồng đã ký cho giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Bên A, tư vấn giám sát và đại diện Bên B;

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo Hợp đồng); Bảng xác nhận khối lượng thanh toán đợt trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Bên A hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện Bên B;

+ Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (còn gọi là đơn giá thanh toán) theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng có xác nhận của đại diện Bên A hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên B;

+ Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong Hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Bên A hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện Bên B;

+ Đề nghị thanh toán của Bên B cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm

ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của đại diện Bên A và đại diện Bên B.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng đề nghị thanh toán; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài Hợp đồng (nếu có).

+ Cung cấp hóa đơn cho Bên A theo quy định của Bộ Tài chính.

## **Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong Hợp đồng và giá Hợp đồng xây dựng**

10.1. Việc điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong Hợp đồng

Khối lượng điều chỉnh trong các trường hợp thi công xây dựng thay đổi, điều chỉnh, bổ sung thiết kế và phạm vi công việc khác với quy định của Hợp đồng. Và trong quá trình thi công gặp bất khả kháng làm thay đổi khối lượng thực hiện Hợp đồng.

- Việc điều chỉnh Hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện Hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện Hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Điều chỉnh bổ sung những khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong Hợp đồng nhưng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì Bên A và Bên B tính toán, thỏa thuận và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; các khối lượng công việc đã có đơn giá trong Hợp đồng được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng trong hợp đồng đã ký) được nghiệm thu.

- Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá hoặc phương pháp xác định đơn giá trong hợp đồng, các bên tham gia Hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá hoặc nguyên tắc, phương pháp xác định giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện.

- Việc điều chỉnh khối lượng công việc giữa các thành viên trong liên danh của Bên B không làm thay đổi giá Hợp đồng xây dựng thì Bên A quyết định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của các thành viên liên danh và năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả, tiến độ của Hợp đồng.

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong Hợp đồng, đồng thời làm thay đổi trên 0,25% giá trị Hợp đồng và trên 1% đơn giá của công việc đó hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong Hợp đồng thì các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc đã thỏa thuận trong Hợp đồng về đơn giá cho các khối lượng này để thanh toán.

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong Hợp đồng, đơn giá mới chỉ được áp dụng cho phần khối lượng thực tế thực hiện vượt quá 120% khối lượng ghi trong Hợp đồng.

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong Hợp đồng, đơn giá mới được áp dụng cho toàn bộ khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu.

#### 10.2. Điều chỉnh giá Hợp đồng xây dựng:

- Việc điều chỉnh Hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện Hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện Hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Việc điều chỉnh đơn giá chỉ áp dụng đối với khối lượng thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong Hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh.

- Giá Hợp đồng sau điều chỉnh (bao gồm cả khối lượng công việc phát sinh hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký) không làm vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt (bao gồm cả chi phí dự phòng cho gói thầu đó) thì Bên A được quyền quyết định điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt thì phải được chấp thuận chủ trương điều chỉnh giá Hợp đồng của người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc Bộ trưởng bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi được giao đối với các dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư trước khi thực hiện điều chỉnh và phải đảm bảo đủ vốn để thanh toán cho bên nhận thầu theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng. Việc điều chỉnh dự toán xây dựng, dự toán gói thầu, giá gói thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

- Việc điều chỉnh trượt giá được thực hiện sau thời gian dự kiến hoàn thành kể từ ngày khởi công. Giá trị trượt giá được Bên B lập hồ sơ điều chỉnh trình Bên A phê duyệt để làm cơ sở quyết toán công trình. Trường hợp sau khi điều chỉnh có giá trị tăng Bên A sẽ tổng hợp và xác định giá trị để thanh toán trong giai đoạn lập hồ sơ quyết toán.

- Không điều chỉnh trượt giá Hợp đồng đối với những khối lượng tương ứng với mức giá trị tạm ứng hợp đồng, gián tiếp, thu nhập chịu thuế, thuế VAT, chi phí khác và chi phí dự phòng.

- Không thực hiện điều chỉnh giá Hợp đồng cho những nội dung thuộc trách nhiệm bồi thường của đơn vị bảo hiểm.

- Phương pháp dùng hệ số điều chỉnh giá trên cơ sở áp dụng chỉ số giá:

$$G_{TT} = G_{HD} \times P_n \quad (1)$$

Trong đó:

$G_{TT}$ : Là giá thanh toán tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong khoảng thời gian “n” của cả Hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của loại công tác, hoặc của các yếu tố chi phí.

$G_{HD}$ : Là giá trong Hợp đồng đã ký tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong khoảng thời gian “n” của cả Hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của loại công tác, hoặc của yếu tố chi phí.

$P_n$ : Là hệ số điều chỉnh giá (tăng hoặc giảm) áp dụng cho khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong khoảng thời gian “n” của cả Hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc của loại công tác, hoặc của yếu tố chi phí.

Phương pháp xác định “ $P_n$ ” theo các yếu tố chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công + Trường hợp điều chỉnh cho tất cả các yếu tố chi phí (điều chỉnh cả vật liệu, nhân công, máy thi công), hệ số “ $P_n$ ” được xác định như sau:

$$P_n = a + b \frac{M_n}{M_o} + c \frac{L_n}{L_o} + d \frac{E_n}{E_o} + \dots \quad (2)$$

Trong đó:

a: Là hệ số cố định, được xác định ở bảng số liệu điều chỉnh tương ứng trong Hợp đồng, thể hiện phần không điều chỉnh giá (bao gồm phần giá trị tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu, tạm ứng trước để sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, vật liệu xây dựng phải dự trữ theo mùa và giá trị các khoản chi phí không được điều chỉnh giá trong Hợp đồng) của các khoản thanh toán theo Hợp đồng (là chi phí tạm ứng, gián tiếp, thu nhập chịu thuế, thuế VAT, chi phí khác, và chi phí dự phòng trong dự toán gói thầu). Hệ số a được xác định là  $a = \dots$

b, c, d: Là các hệ số biểu thị tỷ trọng chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công của phần công việc trong Hợp đồng được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh tương ứng. Hệ số b, c, d được xác định là  $b = \dots$ ;  $c = \dots$ ;  $d = \dots$

Các hệ số a, b, c, d,... do các bên tính toán, đã xác định trong hợp đồng này với hệ số nêu trên. Tổng các hệ số:  $a + b + c + d = 1$ .

$M_n, L_n, E_n, \dots$ : Là các chỉ số giá hoặc giá hiện hành tại thời điểm điều chỉnh tương ứng với mỗi loại chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công cho thời gian “n”, được xác định trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán quy định trong hợp đồng.

$M_0, L_0, E_0, \dots$ : Là các chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng với mỗi loại chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công được xác định trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày đóng thầu (ngày ... tháng ... năm 2025) và phải được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Chi tiết các hệ số a, b, c, d phải được lập thành bản số liệu điều chỉnh đính kèm Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không hoàn thành công việc trong khoảng thời gian quy định trong Hợp đồng do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu thì việc điều chỉnh giá sẽ không được áp dụng.

- Đối với các trường hợp bất khả kháng, bất khả kháng khác: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng xác định căn cứ vào điều kiện thực tế, các quy định tại thời điểm phát sinh và giảm trừ theo tỷ lệ giảm thầu của gói thầu.

### **ĐIỀU 11. NHÀ THẦU PHỤ**

Danh sách Nhà thầu phụ: Theo đề xuất của Bên B trong HSDT, cụ thể:

STT	Tên nhà thầu phụ	Khối lượng công việc	Giá trị % ước tính	Ký HĐ thầu phụ với nhà thầu
1	<b>CÔNG TY ...</b>	Thi công....	...%	<b>CÔNG TY ...</b>
2	<b>CÔNG TY ...</b>	Thi công ...	...%	<b>CÔNG TY ...</b>
3	<b>NHÀ THẦU PHỤ ...: ...</b>	Thực hiện thi công ...	...%	<b>CÔNG TY ...</b>
<b>Tổng cộng</b>			<b>...%</b>	

Giá trị công việc mà Nhà thầu phụ thực hiện không vượt 30% giá Hợp đồng (bao gồm chi phí dự phòng).

### **ĐIỀU 12. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP**

- Thời gian tiến hành Trọng tài phân xử trong vòng 28 ngày kể từ khi thông báo không thỏa mãn được đưa ra bởi một bên.

- Hình thức giải quyết tranh chấp: Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên

sẽ gửi vấn đề ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

### **Điều 13. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**

#### 13.1. Quyết toán Hợp đồng

- Thời gian trình hồ sơ quyết toán Hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Và các hồ sơ pháp lý liên quan đến việc quyết toán theo quy định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 10 bộ quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau :

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng và công việc phát sinh ngoài Hợp đồng;

- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (gọi là quyết toán A-B); Trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B;

- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;

- Các tài liệu khác theo thỏa thuận Hợp đồng (nếu có).

Thời hạn thực hiện quyết toán Hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Sau khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, căn cứ vào kế hoạch vốn được giao, Bên A sẽ thanh toán phần giá trị còn lại của Hợp đồng cho Bên B căn cứ theo giá trị quyết toán công trình được duyệt và thực hiện thanh lý Hợp đồng.

- Số lượng hồ sơ quyết toán Hợp đồng là 10 bộ.

#### 13.2. Thanh lý Hợp đồng

Thời gian tiến thanh lý Hợp đồng trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 17 [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] và Điều 18 [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B] của Phần 3.

Giá trị thanh lý Hợp đồng là giá trị quyết toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nếu giá trị quyết toán nhỏ hơn giá trị thanh toán thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải hoàn trả ngân sách số tiền chênh lệch giữa giá trị quyết toán và giá trị thanh toán.

Nếu giá trị quyết toán lớn hơn giá trị thanh toán, căn cứ vào Kế hoạch vốn được giao Bên A sẽ thanh toán tiếp cho Bên B số tiền chênh lệch giữa giá trị quyết toán và giá trị thanh toán.

### **Điều 14. Hiệu lực của Hợp đồng**

14.1. Hợp đồng này được lập thành 20 bản bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau.

Bên A sẽ giữ 06 bản bằng tiếng Việt và Bên B sẽ giữ 14 bản bằng tiếng Việt.

14.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ Hợp đồng được ký kết và sau khi Bên A đã nhận được đầy đủ các bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

14.3. Hợp đồng này Bên B không được mang đi thế chấp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng với mọi hình thức.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**GIÁM ĐỐC**

**Đậu An Phúc**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**LIÊN DANH ....**

**Thành viên đứng đầu liên danh (thành viên liên danh thứ nhất):**

**CÔNG TY ...**  
**GIÁM ĐỐC**

...

**Thành viên liên danh thứ hai:**  
**CÔNG TY ...**  
**GIÁM ĐỐC**

**Thành viên liên danh thứ ba: CÔNG TY**  
**...**  
**GIÁM ĐỐC**

....

...

**Thành viên liên danh thứ tư:**  
**CÔNG TY ...**  
**GIÁM ĐỐC**

**Thành viên liên danh thứ năm: CÔNG**  
**TY ...**  
**GIÁM ĐỐC**

...

...